TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 50/2020/QĐST-HNGĐ	*QO, ngày 20 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1994; HKTT và nơi ở: Thôn 3, xã Pc, huyện QO, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh **Đoàn Văn B**, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: Thôn 3, xã Pc, huyện QO, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/3/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị A** và anh **Đoàn Văn B** thuận tình ly hôn;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 16/6/2012; Đoàn Minh H, sinh 02/10/2014. Ly hôn chị A và anh B thỏa thuận: Giao con Đoàn Thị Thanh T cho chị A; giao con Đoàn Minh H cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng

thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị A, anh B có quyền đi lại, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh B, chị A cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Tự thoả thuận và không yêu cầu toà giải quyết.

3. Về án phí: Chị A tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011031 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QO, thành phố Hà Nội. Trả lại chị A 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện QO;*
- *Chi cục THADS huyện QO;*
- *UBND xã Pc, H. QO;*
- *Lưu: hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí